TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lý Thanh Phong**;

Ông **Nguyễn Văn Châu**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lý Thị H**;

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc Ph;**

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lý Thị H đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ph tự nguyện tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28 tháng 02 năm 2015. Sau khi đám cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc với nhau chỉ được một thời gian ngắn, đến tháng 3 năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau,

làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ đó, anh Ph bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và hai người ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Ph.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc Ph:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Ph biết, nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh Ph hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho anh biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Ph cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị H đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn là anh Ph thì luôn vắng mặt không có lý do, không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quốc Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Ph kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28 tháng 02 năm 2015. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Ph là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn.

[3] Xét lý do xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn, chị H và anh Ph chung sống hạnh phúc với nhau chỉ được một thời gian

ngắn, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai người thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay và tại phiên tòa sơ thẩm, chị H cho rằng không còn tình cảm với anh Ph nữa và cương quyết xin ly hôn với anh Ph. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định chị H và anh Ph đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Ph không có. Chị H cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Nguyễn Quốc Ph được ly hôn với nhau.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lý Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004252 ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và như vậy chị đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt

hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm